

Số: 466/.../QĐ - ĐHLĐXH

Hà Nội, ngày 07 tháng 2 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương đào tạo đại học ngành II theo hệ thống tín chỉ các ngành
Quản trị nhân lực; Kế toán; Bảo hiểm; Công tác xã hội; Quản trị kinh doanh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-LĐTBXH ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Lao động- Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1136/2007/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH ngày 30/3/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép trường Đại học Lao động- Xã hội đào tạo bậc đại học các ngành Quản trị nhân lực, Kế toán, Bảo hiểm, Công tác xã hội;

Căn cứ Quyết định số 529/QĐ-BGDĐT ngày 06/02/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép trường Đại học Lao động- Xã hội đào tạo bậc đại học ngành Quản trị kinh doanh;

Căn cứ quyết định số 1513/QĐ-ĐHLĐXH ngày 04/9/2013 của Hiệu trưởng Trường đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành chương trình đào tạo đại học chính qui theo học chế tín chỉ các ngành Quản trị nhân lực; Kế toán; Bảo hiểm; Công tác xã hội; Quản trị kinh doanh.

Theo đề nghị của Ban chỉ đạo xây dựng và thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Trường phòng Đào Tạo, Trường phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo đại học ngành II theo hệ thống tín chỉ các ngành Quản trị nhân lực, Kế toán, Bảo hiểm, Công tác xã hội; Quản trị kinh doanh (*Chương trình chi tiết kèm theo*).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Trưởng các phòng, Khoa, Bộ môn thuộc Trường; Giám đốc Cơ sở Sơn Tây và Cơ sở II chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Thư trưởng Đoàn Mậu Diệp (để b/c)
- Như điều 3 (để t/h);
- BGH (để chỉ đạo);
- Lưu VT, Phòng KH-HTQT,
Phòng ĐT; Ban chỉ đạo tín chỉ.



PGS.TS. Lê Thanh Hà

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH II- QUẢN TRỊ NHÂN LỰC
DÀNH CHO SINH VIÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số *166*/ĐHLDXH-QĐ ngày *08* tháng *2* năm 2014
của Hiệu trưởng Trường đại học Lao động - Xã hội)

Trình độ đào tạo : **ĐẠI HỌC**
Mã ngành đào tạo : **52340404**
Loại hình đào tạo : **CHÍNH QUI**

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp : **82 tín chỉ**

- Kiến thức cơ sở của khối ngành (bắt buộc) : 0 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành : 14 tín chỉ
 - . Kiến thức bắt buộc : 10 tín chỉ
 - . Kiến thức lựa chọn : 04 tín chỉ
- Kiến thức ngành : 58 tín chỉ
 - . Kiến thức bắt buộc : 46 tín chỉ
 - . Kiến thức lựa chọn : 12 tín chỉ
- Thực tập tốt nghiệp (bắt buộc) : 04 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế : 06 tín chỉ



TT	Tên học phần	Mã học phần	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổ ng	LT	TH
I	Kiến thức giáo dục đại cương						0		
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						82		
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành						0		
II. 2	Kiến thức cơ sở ngành						14		
Các học phần bắt buộc							10		
1	Dân số và môi trường	DSMT.1.2	QLLD	QLLD	NLCB2.1.3 KTVM.1.3		2	1	1
2	Nguồn nhân lực	NNL.1.2	QLLD	QLLD	DSMT.1.2		2	1	1
3	Thống kê lao động	TKLĐ.1.2	Tkê	Toán-Tkê	NLTK.1.2		2	1	1
4	Tâm lý học lao động	TLLĐ.1.2	CTXH	CTXH			2	1	1
5	Hành vi tổ chức	HVTC.1.2	QLLD	QLLD	TLLĐ.1.2		2	1	1
Các học phần tự chọn							04		
6	6.1 Kinh tế phát triển	KTPT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
	6.2 Kinh tế lượng	KTL.1.2	Toán	Toán-Tkê	LTXS.1.3		2	1	1
7	7.1 Nguyên lý kế toán 1	NLKT1.1.2	KT	KT			2	1	1
	7.2 Ergonomi (công thái học trong LĐ)	EGNM.1.2	QLLD	QLLD			2	1	1
II.3	Kiến thức ngành						58		
Các học phần bắt buộc							46		
8	Tổng quan Quản trị nhân lực	TQQT.1.2	QLLD	QLLD	QTH.1.2		2	2	0
9	Nguyên lý tiền lương	NLTL.1.2	QLLD	QLLD	KTVM.1.3 LLĐ.1.2	VM.1.3	2	2	0
10	Tổ chức bộ máy và phân tích CV	TCBM.1.3	QLLD	QLLD		LLĐ.1.2 TQQT.1.2	3	2	1
11	Tổ chức lao động	TCLĐ.1.2	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2		2	1	1
12	Định mức lao động	ĐMLĐ.1.3	QLLD	QLLD	TCLĐ.1.2	HĐNL.1.3	3	2	1
13	Hoạch định nhân lực	HĐNL.1.3	QLLD	QLLD	HĐNL.1.3 TCBM.1.3	NLTL.1.2 ĐMLĐ.1.3	3	2	1
14	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	TSDNL.1.3	QLLD	QLLD	HĐNL.1.3		3	2	1
15	Quản trị thực hiện công việc	QTCV.1.3	QLLD	QLLD		TSDNL.1.3	3	2	1
16	Quản trị thù lao lao động trong DN	QTLĐ.1.3	QLLD	QLLD	QTCV.1.3		3	2	1
17	Đào tạo nhân lực	ĐTNL.1.3	QLLD	QLLD	QTCV.1.3		3	2	1
18	Bảo hộ lao động	BHLĐ.1.3	QLLD	QLLD	TCLĐ.1.2		3	2	1
19	Nguyên lý quan hệ lao động	NLQH.1.2	QLLD	QLLD	HVTC.1.2		2	2	0

TT	Tên học phần	Mã học phần	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổ ng	LT	TH
20	Quan hệ lao động trong tổ chức	QHTC.1.2	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2 NLQH.1.2		2	1	1
21	Tạo động lực lao động	ĐLLĐ.1.2	QLLD	QLLD	QTCV.1.3		2	1	1
22	Thị trường lao động	TRLĐ.1.3	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2 NNL.1.2		3	2	1
23	Tiền lương trong khu vực công	TLKVC.1.3	QLLD	QLLD	NLTĐ.1.2		3	2	1
24	Tiếng Anh chuyên ngành QTNL 1	TAQT1.1.2	NN	NN			2	0	2
25	Tiếng Anh chuyên ngành QTNL 2	TAQT2.1.2	NN	NN	TAQT1.1.2		2	0	2
Các học phần tự chọn (mỗi nhóm chọn 3)							12		
Nhóm 1	26	Quản lý nhà nước về lao động	QLNLĐ.1.2	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2	2		
	27	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	NVBH.1.2	BH	BH		2	1	1
	28	Điều tra xã hội học lao động	ĐTXH.1.2	CTXH	CTXH		2	1	1
	29	Xã hội học lao động	XHLĐ.1.2	CTXH	CTXH		2	1	1
	30	Quản trị doanh nghiệp	QTDN.1.2	QTKD	QTKD	QTH.1.2	2	1	1
	31	Văn hóa tổ chức	VHTC.1.2	QLLD	QLLD		2	1	1
Nhóm 2	32	Trách nhiệm XH của DN trong LĐ	TNDN.1.2	QLLD	QLLD		2	2	0
	33	QTNL trong khu vực công	QTKVC.1.2	QLLD	QLLD	QTCV.1.3	2	1	1
	34	Xây dựng thang bảng lương	XDBL.1.2	QLLD	QLLD	QTLĐ.1.3	2	1	1
	35	Xây dựng quy chế thi đua khen thưởng	XDKT.1.2	QLLD	QLLD	QTCV.1.3	2	1	1
	36	Thanh tra lao động	TTLĐ.1.2	QLLD	QLLD	BHLĐ.1.3 QTLĐ.1.3	2	1	1
	37	XD hệ thống thù lao trong DN	XDTL.1.2	QLLD	QLLD	QTLĐ.1.3	2	1	1
II.4		Thực tập, làm khóa luận hoặc thi TN							
	38	Thực tập TN	TTTN.1.4	QLLD	QLLD		04		
39	39.1	Làm khóa luận	KLTN.1.6	QLLD	QLLD		6		
		HP thay thế khóa luận							
	39.2	Chính sách nguồn nhân lực	CSNNL.1.2				2		
	39.3	Quản lý nguồn nhân lực	QLNNL.1.4				4		

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2014



KIỂM TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Than Hà

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH II- QUẢN TRỊ NHÂN LỰC
DÀNH CHO SINH VIÊN NGÀNH KẾ TOÁN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 166 /ĐHLĐXH-QĐ ngày 02 tháng năm 2014
của Hiệu trưởng Trường đại học Lao động - Xã hội)*

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Mã ngành đào tạo	: 52340404
Loại hình đào tạo	: CHÍNH QUI

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp : 84 tín chỉ

- | | |
|---|--------------|
| - Kiến thức cơ sở của khối ngành (bắt buộc) | : 0 tín chỉ |
| - Kiến thức cơ sở ngành | : 16 tín chỉ |
| . Kiến thức bắt buộc | : 12 tín chỉ |
| . Kiến thức lựa chọn | : 04 tín chỉ |
| - Kiến thức ngành | : 58 tín chỉ |
| . Kiến thức bắt buộc | : 46 tín chỉ |
| . Kiến thức lựa chọn | : 12 tín chỉ |
| - Thực tập tốt nghiệp (bắt buộc) | : 04 tín chỉ |
| - Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế | : 06 tín chỉ |



TT	Tên học phần		Mã học phần	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
				Hà Nội	TP HCM			Tổ ng	LT	TH
I	Kiến thức giáo dục đại cương							0		
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							84		
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành							0		
II.2	Kiến thức cơ sở ngành							16		
Các học phần bắt buộc								12		
1	Quản trị học		QTH.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
2	Dân số và môi trường		DSMT.1.2	QLLD	QLLD	NLCB2.1.3 KTVM.1.3		2	1	1
3	Nguồn nhân lực		NNL.1.2	QLLD	QLLD	DSMT.1.2		2	1	1
4	Thống kê lao động		TKLĐ.1.2	Tkê	Toán-Tkê	NLTK.1.2		2	1	1
5	Tâm lý học lao động		TLLĐ.1.2	CTXH	CTXH			2	1	1
6	Hành vi tổ chức		HVTC.1.2	QLLD	QLLD	TLLĐ.1.2		2	1	1
Các học phần tự chọn								04		
7	7.1	Kinh tế phát triển	KTPT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
	7.2	Kinh tế lượng	KTL.1.2	Toán	Toán-Tkê	LTXS.1.3		2	1	1
8	8.1	Nguyên lý kế toán I	NLKT1.1.2	KT	KT			2	1	1
	8.2	Ecgonômi (công thái học trong LĐ)	EGNM.1.2	QLLD	QLLD			2	1	1
II.3	Kiến thức ngành							58		
Các học phần bắt buộc								46		
9	Tổng quan Quản trị nhân lực		TQQT.1.2	QLLD	QLLD	QTH.1.2		2	2	0
10	Nguyên lý tiền lương		NLTL.1.2	QLLD	QLLD	KTVM.1.3 LĐ.1.2	VM.1.3	2	2	0
11	Tổ chức bộ máy và phân tích CV		TCBM.1.3	QLLD	QLLD		LĐ.1.2 TQQT.1.2	3	2	1
12	Tổ chức lao động		TCLĐ.1.2	QLLD	QLLD	LĐ.1.2		2	1	1
13	Định mức lao động		ĐMLĐ.1.3	QLLD	QLLD	TCLĐ.1.2	HĐNL.1.3	3	2	1
14	Hoạch định nhân lực		HĐNL.1.3	QLLD	QLLD	HĐNL.1.3 TCBM.1.3	NLTL.1.2 ĐMLĐ.1.3	3	2	1
15	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực		TSDNL.1.3	QLLD	QLLD	HĐNL.1.3		3	2	1
16	Quản trị thực hiện công việc		QTCV.1.3	QLLD	QLLD		TSDNL.1.3	3	2	1
17	Quản trị thù lao lao động trong DN		QTLĐ.1.3	QLLD	QLLD	QTCV.1.3		3	2	1
18	Đào tạo nhân lực		ĐTNL.1.3	QLLD	QLLD	QTCV.1.3		3	2	1
19	Bảo hộ lao động		BHLĐ.1.3	QLLD	QLLD	TCLĐ.1.2		3	2	1

TT	Tên học phần	Mã học phần	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổ ng	LT	TH
20	Nguyên lý quan hệ lao động	NLQH.1.2	QLLD	QLLD	HVTC.1.2		2	2	0
21	Quan hệ lao động trong tổ chức	QHTC.1.2	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2 NLQH.1.2		2	1	1
22	Tạo động lực lao động	ĐLLĐ.1.2	QLLD	QLLD	QTCV.1.3		2	1	1
23	Thị trường lao động	TRLĐ.1.3	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2 NNL.1.2		3	2	1
24	Tiền lương trong khu vực công	TLKVC.1.3	QLLD	QLLD	NLTL.1.2		3	2	1
25	Tiếng Anh chuyên ngành QTNL 1	TAQT1.1.2	NN	NN			2	0	2
26	Tiếng Anh chuyên ngành QTNL 2	TAQT2.1.2	NN	NN	TAQT1.1.2		2	0	2
Các học phần tự chọn (mỗi nhóm chọn 3)							12		
Nhóm 1	27	Quản lý nhà nước về lao động	QLNLĐ.1.2	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2	2		
	28	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	NVBH.1.2	BH	BH		2	1	1
	29	Điều tra xã hội học lao động	ĐTXH.1.2	CTXH	CTXH		2	1	1
	30	Xã hội học lao động	XHLĐ.1.2	CTXH	CTXH		2	1	1
	31	Quản trị doanh nghiệp	QTDN.1.2	QTKD	QTKD	QTH.1.2	2	1	1
	32	Văn hóa tổ chức	VHTC.1.2	QLLD	QLLD		2	1	1
Nhóm 2	33	Trách nhiệm XH của DN trong LD	TNDN.1.2	QLLD	QLLD		2	2	0
	34	QTNL trong khu vực công	QTKVC.1.2	QLLD	QLLD	QTCV.1.3	2	1	1
	35	Xây dựng thang bảng lương	XDBL.1.2	QLLD	QLLD	QTLĐ.1.3	2	1	1
	36	Xây dựng quy chế thi đua khen thưởng	XDKT.1.2	QLLD	QLLD	QTCV.1.3	2	1	1
	37	Thanh tra lao động	TTLĐ.1.2	QLLD	QLLD	BHLĐ.1.3 QTLĐ.1.3	2	1	1
	38	XD hệ thống thù lao trong DN	XDTL.1.2	QLLD	QLLD	QTLĐ.1.3	2	1	1
II.4 Thực tập, làm khóa luận hoặc thi TN									
	39	Thực tập TN	TTTN.1.4	QLLD	QLLD		04		
40	40.1	Làm khóa luận	KLTN.1.6	QLLD	QLLD		6		
		HP thay thế khóa luận							
	40.2	Chính sách nguồn nhân lực	CSNNL.1.2				2		
	40.3	Quản lý nguồn nhân lực	QLNNL.1.4				4		

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2014



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS Lê Thanh Hà

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH II- QUẢN TRỊ NHÂN LỰC
DÀNH CHO SINH VIÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 166 /ĐHLĐXH-QĐ ngày 08 tháng 2 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường đại học Lao động - Xã hội)*

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Mã ngành đào tạo	: 52340404
Loại hình đào tạo	: CHÍNH QUI

Kiến thức giáo dục đại cương	: 04 tín chỉ
-------------------------------------	---------------------

. Kiến thức bắt buộc	: 04 tín chỉ
. Kiến thức lựa chọn	: 0 tín chỉ

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	: 86 tín chỉ
---	---------------------

- Kiến thức cơ sở của khối ngành (bắt buộc)	: 12 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành	: 16 tín chỉ
. Kiến thức bắt buộc	: 12 tín chỉ
. Kiến thức lựa chọn	: 04 tín chỉ
- Kiến thức ngành	: 58 tín chỉ
. Kiến thức bắt buộc	: 46 tín chỉ
. Kiến thức lựa chọn	: 12 tín chỉ
- Thực tập tốt nghiệp (bắt buộc)	: 04 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	: 06 tín chỉ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổ ng	LT	TH
I	Kiến thức giáo dục đại cương						04		
Các học phần bắt buộc							04		
1	Toán cao cấp 1	TCC1.1.2	Toán	Toán-Tkê			2	1	1
2	Toán cao cấp 2	TCC2.1.2	Toán	Toán-Tkê			2	1	1
Các học phần tự chọn							0		
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						86		
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành						12		
3	Kinh tế vi mô	KTVM.1.3	QTKD	QTKD			3	2	1
4	Kinh tế vĩ mô	VM.1.3	QTKD	QTKD			3	2	1
5	Nguyên lý thống kê	NLTK.1.2	Tkê	Toán-Tkê			2	1	1
6	Luật Kinh tế	LKT.1.2	Luật	Luật			2	1	1
7	Marketing căn bản	MKTCB.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
II.2	Kiến thức cơ sở ngành						16		
Các học phần bắt buộc							12		
8	Luật lao động	LLĐ.1.2	Luật	Luật	PLĐC.1.2		2	1	
9	Quản trị học	QTH.1.2	QTKD	QTKD			2	1	
10	Dân số và môi trường	DSMT.1.2	QLLD	QLLD	NLCB2.1.3 KTVM.1.3		2	1	
11	Nguồn nhân lực	NNL.1.2	QLLD	QLLD	DSMT.1.2		2	1	1
12	Thống kê lao động	TKLĐ.1.2	Tkê	Toán-Tkê	NLTK.1.2		2	1	1
13	Tâm lý học lao động	TLLĐ.1.2	CTXH	CTXH			2	1	1
14	Hành vi tổ chức	HVTC.1.2	QLLD	QLLD	TLLĐ.1.2		2	1	1
Các học phần tự chọn							04		
15	15.1 Kinh tế phát triển	KTPT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
	15.2 Kinh tế lượng	KTL.1.2	Toán	Toán-Tkê	LTXS.1.3		2	1	1
16	16.1 Nguyên lý kế toán 1	NLKT1.1.2	KT	KT			2	1	1
	16.2 Ergonomi (công thái học trong LĐ)	EGNM.1.2	QLLD	QLLD			2	1	1
II.3	Kiến thức ngành						58		
Các học phần bắt buộc							46		
17	Tổng quan Quản trị nhân lực	TQQT.1.2	QLLD	QLLD	QTH.1.2		2	2	0
18	Nguyên lý tiền lương	NLTL.1.2	QLLD	QLLD	KTVM.1.3	VM.1.3	2	2	0

TT	Tên học phần	Mã học phần	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổ ng	LT	TH
					LLĐ.1.2				
19	Tổ chức bộ máy và phân tích CV	TCBM.1.3	QLLD	QLLD		LLĐ.1.2 TQQT.1.2	3	2	1
20	Tổ chức lao động	TCLĐ.1.2	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2		2	1	1
21	Định mức lao động	ĐMLĐ.1.3	QLLD	QLLD	TCLĐ.1.2	HĐNL.1.3	3	2	1
22	Hoạch định nhân lực	HĐNL.1.3	QLLD	QLLD	HĐNL.1.3 TCBM.1.3	NLTL.1.2 ĐMLĐ.1.3	3	2	1
23	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	TSDNL.1.3	QLLD	QLLD	HĐNL.1.3		3	2	1
24	Quản trị thực hiện công việc	QTCV.1.3	QLLD	QLLD		TSDNL.1.3	3	2	1
25	Quản trị thù lao lao động trong DN	QTLĐ.1.3	QLLD	QLLD	QTCV.1.3		3	2	1
26	Đào tạo nhân lực	ĐTNL.1.3	QLLD	QLLD	QTCV.1.3		3	2	1
27	Bảo hộ lao động	BHLĐ.1.3	QLLD	QLLD	TCLĐ.1.2		3	2	1
28	Nguyên lý quan hệ lao động	NLQH.1.2	QLLD	QLLD	HVTC.1.2		2	2	0
29	Quan hệ lao động trong tổ chức	QHTC.1.2	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2 NLQH.1.2		2	1	1
30	Tạo động lực lao động	DLLĐ.1.2	QLLD	QLLD	QTCV.1.3		2	1	1
31	Thị trường lao động	TRLĐ.1.3	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2 NNL.1.2		3	2	1
32	Tiền lương trong khu vực công	TLKVC.1.3	QLLD	QLLD	NLTL.1.2		3	2	1
33	Tiếng Anh chuyên ngành QTNL 1	TAQT1.1.2	NN	NN			2	0	2
34	Tiếng Anh chuyên ngành QTNL 2	TAQT2.1.2	NN	NN	TAQT1.1.2		2	0	2
Các học phần tự chọn (mỗi nhóm chọn 3)							12		
Nhóm 1	35	Quản lý nhà nước về lao động	QLNLD.1.2	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2	2		
	36	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	NVBH.1.2	BH	BH		2	1	1
	37	Điều tra xã hội học lao động	ĐTXH.1.2	CTXH	CTXH		2	1	1
	38	Xã hội học lao động	XHLĐ.1.2	CTXH	CTXH		2	1	1
	39	Quản trị doanh nghiệp	QTDN.1.2	QTKD	QTKD	QTH.1.2	2	1	1
	40	Văn hóa tổ chức	VHTC.1.2	QLLD	QLLD		2	1	1
Nhóm 2	41	Trách nhiệm XH của DN trong LD	TNDN.1.2	QLLD	QLLD		2	2	0
	42	QTNL trong khu vực công	QTKVC.1.2	QLLD	QLLD	QTCV.1.3	2	1	1
	43	Xây dựng thang bảng lương	XDBL.1.2	QLLD	QLLD	QTLĐ.1.3	2	1	1
	44	Xây dựng quy chế thi đua khen thưởng	XDKT.1.2	QLLD	QLLD	QTCV.1.3	2	1	1
	45	Thanh tra lao động	TTLĐ.1.2	QLLD	QLLD	BHLĐ.1.3 QTLĐ.1.3	2	1	1
	46	XD hệ thống thù lao trong DN	XDTL.1.2	QLLD	QLLD	QTLĐ.1.3	2	1	1

TT	Tên học phần	Mã học phần	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổ ng	LT	TH
II.4	Thực tập, làm khóa luận hoặc thi TN								
47	Thực tập TN	TTTN.1.4	QLLD	QLLD			04		
48	38.1 Làm khóa luận	KLTN.1.6	QLLD	QLLD			6		
	HP thay thế khóa luận								
	38.2 Chính sách nguồn nhân lực	CSNNL.1.2					2		
	38.3 Quản lý nguồn nhân lực	QLNNL.1.4					4		

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2014

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Thanh Hà

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH II- QUẢN TRỊ NHÂN LỰC
DÀNH CHO SINH VIÊN NGÀNH BẢO HIỂM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 166 /ĐHLDXH-QĐ ngày 08 tháng 2 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường đại học Lao động - Xã hội)*

Trình độ đào tạo	: ĐẠI HỌC
Mã ngành đào tạo	: 52340404
Loại hình đào tạo	: CHÍNH QUI

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	: 82 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở của khối ngành (bắt buộc)	: 0 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở ngành	: 16 tín chỉ
. Kiến thức bắt buộc	: 12 tín chỉ
. Kiến thức lựa chọn	: 04 tín chỉ
- Kiến thức ngành	: 56 tín chỉ
. Kiến thức bắt buộc	: 44 tín chỉ
. Kiến thức lựa chọn	: 12 tín chỉ
- Thực tập tốt nghiệp (bắt buộc)	: 04 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	: 06 tín chỉ



TT	Tên học phần	Mã học phần	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổng g	LT	TH
I	Kiến thức giáo dục đại cương						0		
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp						82		
II.1	Kiến thức cơ sở khối ngành						0		
II.2	Kiến thức cơ sở ngành						16		
Các học phần bắt buộc							12		
1	Quản trị học	QTH.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
2	Dân số và môi trường	DSMT.1.2	QLLD	QLLD	NLCB2.1.3 KTVM.1.3		2	1	1
3	Nguồn nhân lực	NNL.1.2	QLLD	QLLD	DSMT.1.2		2	1	1
4	Thống kê lao động	TKLD.1.2	Tkê	Toán-Tkê	NLTk.1.2		2	1	1
5	Tâm lý học lao động	TLLĐ.1.2	CTXH	CTXH			2	1	1
6	Hành vi tổ chức	HVTC.1.2	QLLD	QLLD	TLLĐ.1.2		2	1	1
Các học phần tự chọn							04		
7	7.1 Kinh tế phát triển	KTPT.1.2	QTKD	QTKD			2	1	1
	7.2 Kinh tế lượng	KTL.1.2	Toán	Toán-Tkê	LTXS.1.3		2	1	1
8	8.1 Nguyên lý kế toán 1	NLKT1.1.2	KT	KT			2	1	
	8.2 Ecgônômi (công thái học trong LD)	EGNM.1.2	QLLD	QLLD			2	1	
II.3	Kiến thức ngành						56		
Các học phần bắt buộc							44		
9	Tổng quan Quản trị nhân lực	TQQT.1.2	QLLD	QLLD	QTH.1.2		2	2	0
10	Tổ chức bộ máy và phân tích CV	TCBM.1.3	QLLD	QLLD		LLĐ.1.2 TQQT.1.2	3	2	1
11	Tổ chức lao động	TCLĐ.1.2	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2		2	1	1
12	Định mức lao động	ĐMLĐ.1.3	QLLD	QLLD	TCLĐ.1.2	HĐNL.1.3	3	2	1
13	Hoạch định nhân lực	HĐNL.1.3	QLLD	QLLD	HĐNL.1.3 TCBM.1.3	NLTL.1.2 ĐMLĐ.1.3	3	2	1
14	Tuyển chọn và sử dụng nhân lực	TSDNL.1.3	QLLD	QLLD	HĐNL.1.3		3	2	1
15	Quản trị thực hiện công việc	QTCV.1.3	QLLD	QLLD		TSDNL.1.3	3	2	1
16	Quản trị thù lao lao động trong DN	QTLĐ.1.3	QLLD	QLLD	QTCV.1.3		3	2	1
17	Đào tạo nhân lực	ĐTNL.1.3	QLLD	QLLD	QTCV.1.3		3	2	1
18	Bảo hộ lao động	BHLĐ.1.3	QLLD	QLLD	TCLĐ.1.2		3	2	1

TT	Tên học phần	Mã học phần	Khoa/BM phụ trách		HP tiên quyết	HP song hành	SỐ TÍN CHỈ		
			Hà Nội	TP HCM			Tổng	LT	TH
19	Nguyên lý quan hệ lao động	NLQH.1.2	QLLD	QLLD	HVTC.1.2		2	2	0
20	Quan hệ lao động trong tổ chức	QHTC.1.2	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2 NLQH.1.2		2	1	1
21	Tạo động lực lao động	ĐLLĐ.1.2	QLLD	QLLD	QTCV.1.3		2	1	1
22	Thị trường lao động	TRLĐ.1.3	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2 NNL.1.2		3	2	1
23	Tiền lương trong khu vực công	TLKVC.1.3	QLLD	QLLD	NLTL.1.2		3	2	1
24	Tiếng Anh chuyên ngành QTNL 1	TAQT1.1.2	NN	NN			2	0	2
25	Tiếng Anh chuyên ngành QTNL 2	TAQT2.1.2	NN	NN	TAQT1.1.2		2	0	2
Các học phần tự chọn (mỗi nhóm chọn 3)							12		
Nhóm 1	26	Quản lý nhà nước về lao động	QLNLĐ.1.2	QLLD	QLLD	LLĐ.1.2	2		
	27	Điều tra xã hội học lao động	ĐTXH.1.2	CTXH	CTXH		2	1	1
	28	Xã hội học lao động	XHLĐ.1.2	CTXH	CTXH		2	1	1
	29	Quản trị doanh nghiệp	QTDN.1.2	QTKD	QTKD	QTH.1.2	2	1	1
	30	Văn hóa tổ chức	VHTC.1.2	QLLD	QLLD		2	1	1
Nhóm 2	31	Trách nhiệm XH của DN trong LĐ	TNDN.1.2	QLLD	QLLD		2	2	0
	32	QTNL trong khu vực công	QTKVC.1.2	QLLD	QLLD	QTCV.1.3	2	1	1
	33	Xây dựng thang bảng lương	XDBL.1.2	QLLD	QLLD	QTLĐ.1.3	2	1	1
	34	Xây dựng quy chế thi đua khen thưởng	XDKT.1.2	QLLD	QLLD	QTCV.1.3	2	1	1
	35	Thanh tra lao động	TTLD.1.2	QLLD	QLLD	BHLĐ.1.3 QTLĐ.1.3	2	1	1
	36	XD hệ thống thù lao trong DN	XDTL.1.2	QLLD	QLLD	QTLĐ.1.3	2	1	1
II.4	Thực tập, làm khóa luận hoặc thi TN								
37	Thực tập TN	TTTN.1.4	QLLD	QLLD			04		
38	38.1	Làm khóa luận	QLLD	QLLD			6		
		HP thay thế khóa luận							
	38.2	Chính sách nguồn nhân lực					2		
	38.3	Quản lý nguồn nhân lực					4		

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2014

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Thanh Hà